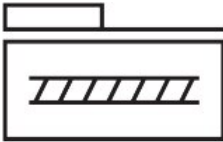
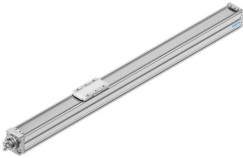


Trục vít
ELGC-BS-KF-32-500-8P
Số bộ phận: 8061481

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	500 mm
Kích thước	32
Dự trữ hành trình	0 mm
Khe đảo ngược	0.15 mm
đường kính trục chính	8 mm
Tăng trục chính	8 mm/vòng
Vị trí lắp đặt	bất kì
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Trục tuyến tính cơ điện với vít me bi
Loại động cơ	Động cơ bước Động cơ servo
Loại trục chính	Trục vít bi
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần cho cảm biến cảm ứng
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Số vòng quay tối đa	4500 1/phút
Tốc độ tối đa	0.6 m/s
Độ chính xác lặp lại	±0,015 mm
Thời gian bật	100%
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Loại 7 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.25 mJ
Lưu ý về năng lượng va chạm ở vị trí cuối	Ở tốc độ di chuyển tham chiếu tối đa là 0,01 m/s
Khoảng khắc của diện tích ly bậc 2	38000 mm ⁴
Khoảng khắc của khu vực Iz độ 2	45000 mm ⁴
Không tải mô-men xoắn ở tốc độ quy trình tối đa	0.04 N m

Đặc tính	Giá trị
Mô men xoắn chạy không tải ở tốc độ quy trình tối thiểu	0.02 N m
Lực tối đa F_y	356 N
Lực tối đa F_z	356 N
Lực tối đa F_y trục tổng thể	150 N
Lực tối đa F_z trục tổng thể	300 N
F_y với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	1310 N
F_z với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	1310 N
Thời điểm tối đa M_x	1.3 N m
Max. Moment M_y	1.1 N m
Mô-men tối đa M_z	1.1 N m
Mô men tối đa M_x trục tổng thể	1.3 N m
Mô men tối đa M_y trục tổng thể	1.1 N m
Mô men tối đa M_z trục tổng thể	1.1 N m
M_x với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	5 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	4 N m
M_z với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	4 N m
Khoảng cách của bề mặt trượt đến tâm dẫn hướng	31.4 mm
Lực hướng tâm tối đa trên trục truyền động	75 N
Lực nạp tối đa F_x	40 N
Mômen quán tính xoắn N_0	1700 mm ⁴
Mô-men quán tính khối lượng J_H trên mỗi mét hành trình	0.02218 kgcm ²
Mômen quán tính khối lượng J_L trên kg trọng tải	0.016211 kgcm ²
Mô men quán tính khối lượng J_O	0.00274 kgcm ²
Nạp liệu không đổi	8 mm/vòng
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Khối lượng di chuyển	83.4 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	18 g
Độ vồng động (Tải trọng di chuyển)	0,05% chiều dài của trục, tối đa 0,5 mm
Độ vồng tĩnh (tải ở trạng thái dừng)	0,1% chiều dài của trục
Bộ truyền động mã giao diện	V25
Vật liệu nắp cuối	Nhôm đúc áp lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu nắp truyền động	Nhôm đúc áp lực, sơn
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Vật liệu các ổ trượt	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu đai ốc trục chính	Thép
Trục chính vật liệu	Thép